

Số: 533 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 11 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 15/TTr-STNMT ngày 26/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc công khai Danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến thành phố theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TN&MT; VPCP (Cục KSTTHC);
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Đài PTTH HP, Báo HP, Chuyên trang ANHP;
- Công TTĐTTP; TT TT&TH (VPUBND TP);
- Các Phòng: KSTTHC, NC&KTGS, NN&TNMT;
- CV: KSTTHC;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (30 TTHC)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 533 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

1. Thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (01 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Cơ quan tiếp nhận hồ sơ	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
		Sở Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân thành phố			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
1	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; - Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

2. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường (02 TTHC)

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
1	1.005398	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	15 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017.
2	2.000983	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu.	30 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 150.000 đồng/giấy; - Cấp GCN có QSDĐ và QSH tài sản: 650.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 3.060.000 đồng/hồ sơ.	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường số: 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017.bnnb

3. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện (01 TTHC)

1	2.000983	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	30 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	1. Lệ phí: - Trường hợp cấp GCN QSDĐ: + Tại phường: 40.000 đồng/giấy + Tại xã, thị trấn: 20.000 đồng/giấy; - Trường hợp cấp GCN có QSDĐ và QSH tài sản: + Tại phường: 150.000 đồng/giấy; + Tại xã, thị trấn: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 170.000 đồng/hồ sơ	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường số: 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017.
---	----------	---	------------------	---------------------------	--	----------	--------------------------	--

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (02 TTHC)

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Cơ quan tiếp nhận hồ sơ	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân thành phố			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	

1	1.001990	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	04 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí: 60.000 đồng. Phí thẩm định hồ sơ: 1530.000 đồng		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018.
2	1.004217	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	04 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lệ phí: 60.000 đồng. Phí thẩm định hồ sơ: 1530.000 đồng		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật đất đai 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
2. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường (20 TTHC)								
1	1.003010	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	15 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
2	1.001991	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.	30 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	1. Lệ phí cấp giấy: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng.
3	2.000976	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	15 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	I. Đối với tổ chức: 1. Lệ phí: 75.000 đồng/giấy 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ II. Đối với hộ gia đình, cá nhân: 1. Lệ phí: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy;		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
					- Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			trường: số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố; - Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 của UBND thành phố.
4	1.003003	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu.	30 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 150.000 đồng/giấy; - Cấp GCN có QSDĐ và QSH tài sản: 650.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 3.060.000 đồng/hồ sơ.	Dịch vụ công mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
								- Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố.
5	1.002255	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất.	30 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	I. Đối với tổ chức: 1. Lệ phí: 500.000 đồng/giấy 2. Phí thẩm định: 3.060.000 đồng/hồ sơ II. Đối với hộ gia đình, cá nhân: 1. Lệ phí: - Tại phường: 90.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 45.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 170.000 đồng/hồ sơ		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố.
6	1.002273	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với	15 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	I. Đối với tổ chức: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp QSDĐ và QSHTS: 75.000 đồng/giấy.		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
		đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở			2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Đối với hộ gia đình, cá nhân: 1. Lệ phí: * Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Các Thông tư: số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố.
7	1.002993	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài	10 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	I. Đối với tổ chức: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp QSDĐ và QSHTS:		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật đất đai 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; số

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
		sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định			75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Đối với hộ gia đình, cá nhân: 1. Lệ phí: * Trường hợp chỉ có QSDD: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDD và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố.
8	2.000889	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản	10 ngày làm	Sở Tài nguyên và Môi	I. Đối với tổ chức: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDD: 60.000 đồng/giấy;		Nộp hồ sơ và trả kết	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
		gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	việc	trường	- Cấp QSDĐ và QSHTS: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Đối với hộ gia đình, cá nhân: 1. Lệ phí: * Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.		quả	01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố; - Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 07/02/2020.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
9	1.004238	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	3 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	I. Đối với tổ chức: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSHTS: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. I. Đối với hộ gia đình, cá nhân: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
10	2.000880	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất;	10 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	I. Đối với tổ chức: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Đối với hộ gia đình, cá nhân: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy;		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
		đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.			2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			
11	1.004227	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so	10 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	I. Đối với tổ chức: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Đối với hộ gia đình, cá nhân: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy;		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
		với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.			- Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			
12	1.001134	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất.	30 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	I. Đối với tổ chức: 1. Lệ phí: 60.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Đối với hộ gia đình, cá nhân: 1. Lệ phí: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố.
13	1.004221	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần	10 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	I. Đối với tổ chức: 1. Lệ phí: 60.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ.		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
		đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề.			I. Đối với hộ gia đình, cá nhân: 1. Lệ phí: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			- Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố.
14	1.004206	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	05 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	1. Lệ phí: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
15	1.004203	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	15 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	I. Đối với tổ chức: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Đối với hộ gia đình, cá nhân: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
16	1.004199	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	07 ngày làm việc (trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày)	Sở Tài nguyên và Môi trường	I. Đối với tổ chức: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN có QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Đối với hộ gia đình, cá nhân: 1. Lệ phí: *Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố; - Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 07/02/2020.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
17	1.005194	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung Giấy chứng nhận do bị mất	10 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	I. Đối với tổ chức: 1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ: 60.000 đồng/giấy; - Cấp GCN có QSDĐ và QSH tài sản: 75.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Đối với hộ gia đình, cá nhân: 1. Lệ phí: * Trường hợp chỉ có QSDĐ: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/ giấy; * Trường hợp có QSDĐ và QSHTS: - Tại phường: 60.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 30.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.	Dịch vụ công mức độ 3	Nộp hồ sơ và tra kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
18	1.004193	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	10 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014.
19	1.001980	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	10 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	I. Đối với tổ chức: 1. Lệ phí: 60.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ. II. Đối với hộ gia đình, cá nhân: 1. Lệ phí: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy; - Tại xã, thị trấn: 17.000		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 02/2015/TT-BTNMT ngày

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
					đồng/ giấy; 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.			27/01/2015; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố.
20	1.001009	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	10 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	1. Lệ phí: 60.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 1.530.000 đồng/hồ sơ.		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC, ngày 02/01/2014; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố.

2. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện (03 TTHC)

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
1	2.001234	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	15 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017.
2	1.003003	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu.	30 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	1. Lệ phí: - Cấp GCN QSDĐ + Tại phường: 40.000 đồng/giấy; + Tại xã, thị trấn: 20.000 đồng/giấy; - Cấp GCN có QSDĐ và QSH tài sản: + Tại phường: 150.000 đồng/giấy; + Tại xã, thị trấn: 75.000 đồng/giấy; 2. Phí thẩm định: 170.000 đồng/hồ sơ.	Dịch vụ công mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
3	1.003572	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	10 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp huyện	1. Lệ phí: - Tại phường: 35.000 đồng/giấy. - Tại xã, thị trấn: 17.000 đồng/giấy. 2. Phí thẩm định: 85.000 đồng/hồ sơ.		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.
3. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã (01 TTHC)								
1	1.003554	Hòa giải tranh chấp đất đai	45 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đất đai năm 2013; - Các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/20217; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020./.